

PHỤ LỤC SỐ 04

APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex

Petrolimex Installation No III Join Stock Company

Năm báo cáo 2019/Year 2019

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: CÔNG TY CP XÂY LẮP III PETROLIMEX
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0302536580
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 50.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 50.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ/*Address*: 2286 Huỳnh Tấn Phát Ấp 3 xã Phú Xuân Huyện Nhà Bè TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại/*Telephone*: 028 39404602
- Số fax/*Fax*: 028 39404606
- *Website*: www.penjico.petrolimex.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: PEN

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

- Năm 1977 Bộ Vật Tư thành lập Công Ty Xây Lắp III là một doanh nghiệp Nhà nước với chức năng nhiệm vụ duy tu sửa chữa các công trình xăng dầu tiếp quản của chế độ cũ và xây mới các công trình kho xăng dầu, cầu cảng thuộc ngành xăng dầu cho các tỉnh từ Quảng Bình cho đến Cà Mau.
- Ngày 01/01/2002 Công Ty Xây Lắp III chính thức chuyển sang Công Ty Cổ Phần theo Quyết định số 0721/QĐ-BTM ngày 08/06/1999 và Quyết định số 1239/2001/QĐ-BTM ngày 14/11/2001 của Bộ Thương Mại với tên gọi mới là Công

Ty Cổ Phần Xây lắp III Petrolimex. Vốn điều lệ tại thời điểm cổ phần là 4,2 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 30%. Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 4103000817 ngày 31/01/2002, số đăng ký kinh doanh mới 0302536580. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi lần thứ 15 ngày 15/05/2019. Tổng vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 50 tỷ đồng.

- Các sự kiện khác/*Other events*

- Công ty đã niêm yết cổ phiếu công ty CP xây lắp III Petrolimex trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PEN từ ngày 30/06/2014 và chính thức giao dịch từ ngày 25/9/2014.
- Tổ chức Bureau Veritas certification cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 về bồn bể và hệ thống đường ống xăng dầu vào ngày 01/10/2007. Được tái chứng nhận lần 1 hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào ngày 29/09/2010. Được tái chứng nhận lần 2 vào ngày 20/09/2013 và có hiệu lực đến 19/09/2016. Sau đó Công ty đã được tiếp tục cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Được chứng nhận lần 1 vào ngày 16/09/2016 và có hiệu lực đến 14/09/2017. Được tái chứng nhận lần 2 vào ngày 15/09/2017 và có hiệu lực đến 19/09/2019. Trong năm 2019 đã được tiếp tục tái chứng nhận có hiệu lực đến 19/9/2022.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/*Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu; xây lắp bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu; lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy; sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng; vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng; xử lý nền móng công trình; xây dựng công trình bờ kè, bến cảng; kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Trong năm 2019 doanh thu chính của Công ty từ hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị xăng dầu và dịch vụ, cho thuê nhà xưởng và doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Năm 2019 Công ty CP Xây Lắp III Petrolimex thực hiện thi công các công trình:
 - + Trong nước: Hải Phòng, Quy Nhơn - Bình Định, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau.
 - + Nước ngoài: Cambodia và Myanmar.

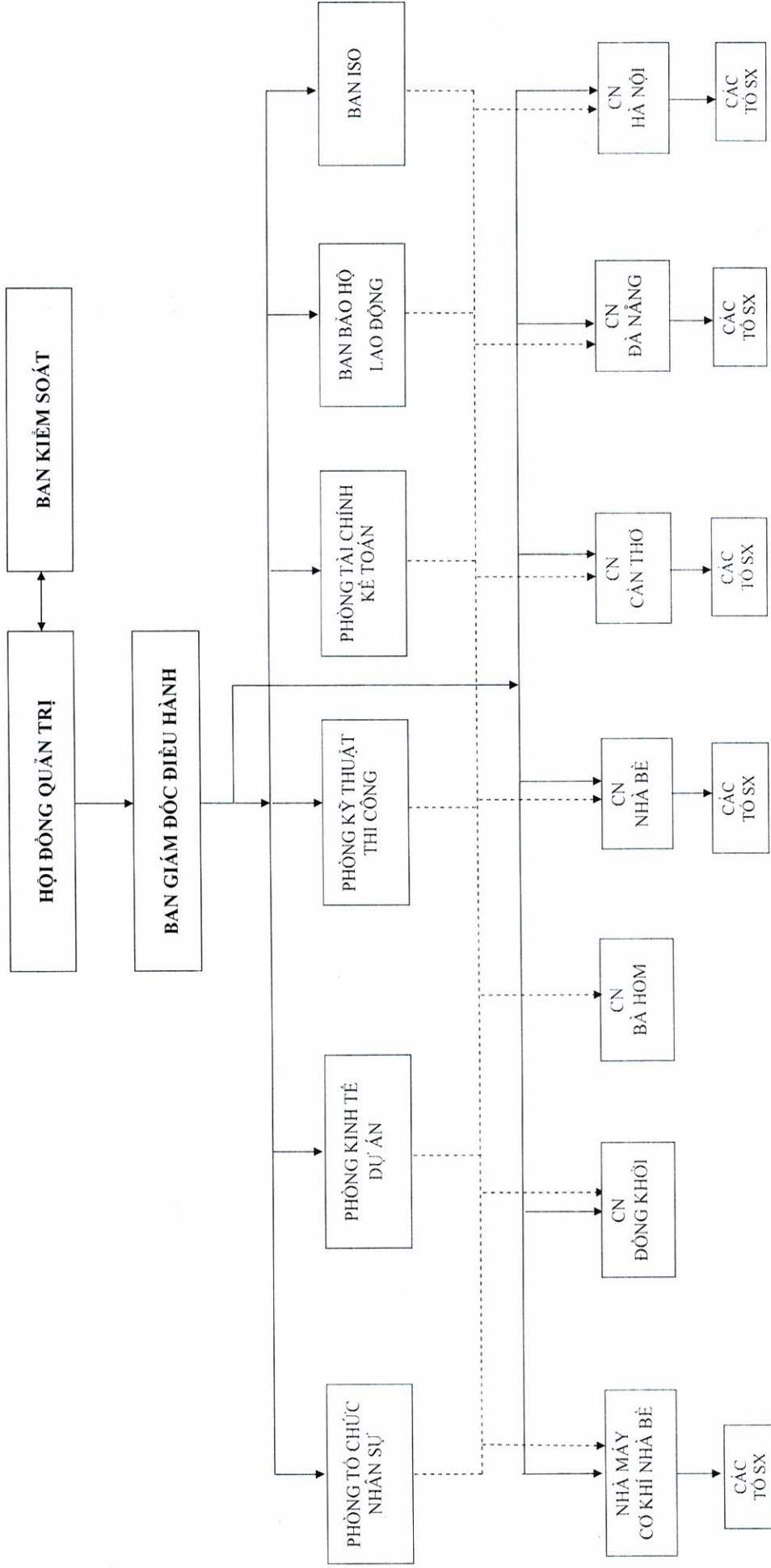
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model.*

- Từ năm 2002 Công ty chuyển sang mô hình hoạt động Công ty Cổ phần. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Thứ hai là Hội đồng quản trị, đây là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Công ty có một Giám đốc, hai phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Đồng thời Công ty có một Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty nhằm thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure.*

MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẤP III PETROLIMEX



GHI CHÚ:
 _____ : CHỈ ĐẠO TRỰC TIẾP
 : PHỐI HỢP NGHIỆP VỤ
 SX : SẢN XUẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẤP III PETROLIMEX

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Sum

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

- Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long

Địa chỉ: 232 Nguyễn Tất Thành phường 13 quận 4 TPHCM.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Điện sản xuất và bán buôn đồ điện.

Vốn điều lệ 900.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của công ty là 44% (400 triệu).

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*.

- Định hướng phát triển của công ty là xây dựng Công ty trở thành một thực thể vững mạnh, có uy tín thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực; tạo lập một văn hóa doanh nghiệp có bản sắc riêng; phát huy năng lực của Công ty trong lĩnh vực xây lắp hệ thống bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu.
- Mô hình tổ chức Công ty và đội ngũ nhân lực đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn ASME đủ khả năng nhận thầu các công trình thuộc dạng PC hoặc EPC, các công trình có vốn đầu tư nước ngoài.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho nhà máy cơ khí tại Nhà Bè để phục vụ công tác chế tạo, gia công sản phẩm cơ khí theo quy trình khép kín đảm bảo tiến độ thi công không phụ thuộc vào địa bàn công trình, thời tiết. Đồng thời xây dựng chiến lược gia công hàng cơ khí xuất khẩu, gia công toàn bộ các sản phẩm phục vụ cho việc thi công bồn bể xăng dầu.
- Phát huy kết quả đạt được trong năm 2019, Công ty tiếp tục tìm kiếm các công trình xây dựng bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Cambodia và Myanmar. Thúc đẩy hợp tác với các đơn vị trong ngành cũng như nước ngoài cùng tham gia đấu thầu các công trình quốc tế, nhằm xây dựng thương hiệu trên thị trường và tăng thêm doanh thu cho Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ.
- Kiểm soát, hạn chế về cơ bản mức độ ô nhiễm môi trường trong gia công cơ khí tại Nhà máy gia công cơ khí.

- Công đoàn cơ sở công ty CP Xây Lắp III Petrolimex quan tâm luôn theo dõi động viên người lao động hoàn thành nhiệm vụ được giao, hưởng ứng đóng góp và tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

5. *Các rủi ro/ Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

- Việc thiên tai do bão lũ, thời tiết mưa gió bất thường ảnh hưởng đến thời gian thi công công trình.
- Việc thanh toán chậm của các chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

- Một số thuận lợi trong những tháng đầu năm là nguồn công việc từ năm 2018 còn lại chuyển sang (229 tỷ đồng) cũng tương đối nhiều hơn so với năm trước trong đó giá trị sản lượng công trình Myanmar là 200 tỷ đồng.
- Với việc định hướng sẽ tham gia vào thị trường thi công lắp đặt các bể chứa, kho chứa LPG và LNG. Đây là thị trường tiềm năng hứa hẹn mang lại những nguồn công việc mới không chỉ trong thị trường trong nước mà cả thị trường khu vực Đông Nam Á. Ngoài ra Công ty đang tập trung vào chiến lược phát triển nguồn công việc từ thị trường nước ngoài như tại Myanmar, Cambodia để tìm kiếm những dự án lớn và ổn định.
- Việc triển khai và đầu tư sang một số lĩnh vực SXKD mới bước đầu cũng đang tiến triển khả quan như : Dự án phát triển năng lượng mặt trời, dự án gia công SX các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành công nghiệp phụ trợ ô tô ...

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

Bảng kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2019

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% hoàn thành năm	% hoàn thành so 2018
1	Sản lượng	345,2	355	358,978	101%	104%
2	Doanh thu	361,432	300	353,472	118%	98%
3	Lợi nhuận trước thuế	4,196	8	4,160	52%	99%
4	Đầu tư	13,787	50,1	4,276	8,5%	31%

- Giá trị sản lượng xây lắp 358,978 tỷ đồng đạt 101 % KH, đạt 104 % so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu thuần về bán hàng hoá dịch vụ 353,472 tỷ đồng đạt 118% KH, tương đương 98% so với cùng kỳ năm trước
- Nguyên nhân chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 52%
Do Kế hoạch Lợi nhuận trước thuế gồm 2 phần:
 - Phần xây lắp là 4,6 tỷ đồng.
 - Phần cổ tức từ đầu tư tài chính vào Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (PGbank) là 3,4 tỷ đồng. Hiện nay do PGbank chưa thông báo mức chi trả cổ tức 2019 vì vậy lợi nhuận năm 2019 chưa được ghi nhận.
Lợi nhuận của phần xây lắp đạt 90% kế hoạch lợi nhuận xây lắp và đạt 52% chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của công ty
1	Nguyễn Sum	Giám đốc	0.37%
2	Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Giám đốc	0%
3	Dương Minh Trí	Phó Giám đốc	0.03%
4	Hoàng Trần Như Quỳnh	Kế toán trưởng	0.55%

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*).

- Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

- Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2019 là 201 người.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PJICO, ăn ca, xăng xe, lương, thưởng.
- Từ tháng 5/2019 do di dời văn phòng làm việc từ 232 Nguyễn Tất Thành Phường 13 Quận 4 về 2286 Huỳnh Tấn Phát ấp 3 Xã Phú Xuân huyện Nhà Bè, nên Công ty bổ sung tăng thêm mức phụ cấp đi lại đối với những CBCNV phải di chuyển từ quận 4 về Nhà Bè và chỉ thực hiện trong năm 2019 để ổn định nguồn lao động hoàn thành KH SXKD năm 2019.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

- Giá trị đầu tư thực hiện là 4,276 tỷ đồng đạt 8,5% kế hoạch, chủ yếu tập trung vào việc cải tạo nhà kho tại 2286 Huỳnh Tấn Phát Ấp 3 xã Phú Xuân Huyện Nhà Bè TP Hồ Chí Minh thành văn phòng làm việc, để thực hiện công tác di dời trụ sở công ty theo quyết định thu hồi của UBND TPHCM bàn giao địa điểm 232 Nguyễn tất Thành Phường 13 quận 4 cho UBND quận 4 xây dựng trường học.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

- Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long kinh doanh không hiệu quả, mất khả năng thanh toán và đã ngừng hoạt động, đang tiến hành các thủ tục giải thể doanh nghiệp.
- Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long với số tiền là 400.000.000 đồng.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ %change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	342.888.411.237	340.372.583.844	- 0.7 %
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	361.431.782.607	353.471.876.838	- 2.2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	3.154.870.290	4.802.952.952	+ 52.2%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	1.041.834.439	(642.832.768)	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	4.196.704.729	4.160.120.184	- 0.9%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	3.346.408.404	3.139.287.823	- 6.2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	5%	5%	

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/<i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :	1.15	1.23	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)			
+ Hệ số thanh toán nhanh / <i>Quick ratio</i> :	1.07	1.11	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn / <i>Capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0.76	0.76	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	3.17	3.14	

<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	<p>9.06</p> <p>1.05</p>	<p>9.65</p> <p>1.04</p>	
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>Profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>Profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>Profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)</p>	<p>0.93%</p> <p>4.07%</p> <p>0.98%</p> <p>0.87%</p>	<p>0.89%</p> <p>3.81%</p> <p>0.92%</p> <p>1.36%</p>	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cổ phần/Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Tổng số 5.000.000 cổ phần của Công ty CP Xây Lắp III Petrolimex đang lưu hành đều là cổ phiếu phổ thông, chuyển nhượng tự do, không có số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật .

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*).

Cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
Tổng Cộng	5.000.000	100%
Trong đó:		
Cổ đông lớn	1.760.000	35.2%
Cổ đông nhỏ	3.240.000	64.8%
Cổ đông tổ chức	1.954.110	39 %
Cổ đông cá nhân	3.045.890	61 %
Cổ đông trong nước	5.000.000	100%
Cổ đông nước ngoài	0	
Cổ đông nhà nước	1.500.000	30%
Cổ đông khác	3.500.000	70%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

- Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

- Không có.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

- Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

- Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Công ty cấp thoát nước Nhà bè

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

- Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2019 là 201 người
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 7,5 triệu đồng/người /tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

- Thực hiện theo Thỏa ước lao động tập thể.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ Training employees

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.

- Đào tạo bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu về luật lao động, tiền lương, luật BHXH, BHTN áp dụng năm 2019 -2020: 02 người.
- Khóa tập huấn cập nhật kiến thức định kỳ an toàn, vệ sinh lao động: 01 người.
- Đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: 27 người.
- Đào tạo nhận thức và đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015: 26 người.
- Tổ chức hướng dẫn & huấn luyện ATVSLĐ tại Nhà máy Gia công cơ khí Nhà Bè: 45 người.
- Đào tạo thực hành xây dựng phương pháp trả lương theo 3P: 01 người.
- Lớp Bồi dưỡng kiến thức PCCC & CNCH cho cấp lãnh đạo: 03 người.
- Khóa tập huấn “ Khai thác kết nối Website và Facebook”: 01 người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.

- Không có

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Hoạt động SXKD của công ty tương đối ổn định. Đã có những bước đột phá mới trong việc tìm kiếm khách hàng ngoài nước, với những công trình mới ở Myanmar và Campuchia...
 - Sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và sự sâu sát của Ban giám đốc trong công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo các chi nhánh, các BCH công trình đã góp phần rất lớn vào những kết quả đã đạt được như đã trình bày ở phần trên.
 - Thị phần xây lắp trong ngành cũng như ngoài ngành đã tăng một cách ổn định, chất lượng công trình được các khách hàng đánh giá cao. Công tác đấu thầu EPC và thực hiện các công trình trong và ngoài nước đã được củng cố và phát huy.
 - Ngoài các khách hàng truyền thống trong và ngoài ngành, công ty đã mở rộng được một số đối tượng khách hàng mới cũng như địa bàn hoạt động. Năm 2019 công ty đã thực hiện thi công hai công trình Total (Campuchia) và Kho xăng dầu Denko (Myanmar) được chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng, tiến độ, kỹ thuật và thẩm mỹ.
 - Công ty đã đầu tư 5.681.570 cổ phiếu ngân hàng TMCP Petrolimex. Khi xây dựng kế hoạch lợi nhuận hàng năm đều có khoản lợi nhuận từ đầu tư tài chính. Do ngân hàng TMCP Petrolimex chưa thông báo chi trả cổ tức năm 2019, nên trong kế hoạch lợi nhuận của công ty chỉ đạt 52% do chưa có khoản lợi nhuận từ đầu tư tài chính.
- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*
- Tận dụng cơ hội đang thi công các công trình ở Campuchia và Myanmar, bộ phận tạo nguồn đã phát huy và đẩy mạnh tìm kiếm nguồn công việc từ thị trường nước ngoài, thông qua hình thức đấu thầu độc lập, qua hợp tác liên danh, nhằm mở rộng lĩnh vực sang khả năng xây dựng các kho, bể chứa LNG, LPG.
 - Ngoài ra bộ phận tiếp thị tạo nguồn cũng đã có nhiều cố gắng trong khai thác thị trường truyền thống trong nước. Khẳng định Công ty CP Xây lắp III Petrolimex vẫn là đơn vị có uy tín với một số chủ đầu tư như: Petrolimex, Sài Gòn Petro, PV Oil, Tổng công ty xăng dầu Thanh Lễ và các khách hàng tư nhân truyền thống trên cả nước.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*.

ĐVT: Đồng		
Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
I- Tài sản ngắn hạn	300.135.405.028	299.603.041.252
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	24.333.059.466	27.885.945.372
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	59.034.258.700	58.980.180.000
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	171.491.060.569	171.771.840.894
4- Hàng tồn kho	36.277.078.821	29.868.996.029
5- Các tài sản ngắn hạn khác	8.999.947.472	11.096.078.957
II- Tài sản dài hạn	42.753.006.209	40.769.542.592
1- Các khoản phải thu dài hạn	10.000.000	10.000.000
2- Tài sản cố định	33.523.040.602	38.460.767.725
3- Bất động sản đầu tư	59.677.062	42.866.622
4- Tài sản dở dang dài hạn	6.480.414.076	468.867.037
5- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
6- Tài sản dài hạn khác	2.679.874.469	1.787.041.208
Tổng tài sản	342.888.411.237	340.372.583.844

- Tổng tài sản và nguồn vốn 340,373 tỷ đồng giảm 2,516 tỷ đồng so đầu năm. Trong đó tài sản ngắn hạn 299,603 tỷ đồng chiếm 89%, tài sản dài hạn 40,770 tỷ đồng chiếm 11%. Hoạt động kinh doanh xây lắp và đầu tư tài chính phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng và nguồn ứng trước của khách hàng do đó hiệu quả kinh doanh chịu ảnh hưởng bởi chính sách tiền tệ, lãi suất ngân hàng.
- Trong năm thực hiện giá trị đầu tư tài sản là 11,928 tỷ đồng gồm mua mới hệ thống kích thủy lực, con đội và thiết bị phục vụ việc thi công tại các công trình 9.076 Trđ, sửa chữa cải tạo nhà kho thành văn phòng làm việc đáp ứng việc di dời trụ sở chính 2,853 tỷ đồng.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
I – Nợ phải trả	260.714.688.085	258.007.254.549
1 – Nợ ngắn hạn	246.515.978.692	243.239.338.193
2 – Nợ dài hạn	14.198.709.393	14.767.916.356
II – Vốn chủ sở hữu	82.173.723.152	82.365.329.295
1 – Vốn chủ sở hữu	82.173.723.152	82.365.329.295
2 – Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
Tổng nguồn vốn	342.888.411.237	340.372.583.844

- Nợ phải trả 258,007 tỷ đồng chiếm 76%, Vốn chủ sở hữu 82,365 tỷ đồng chiếm 24%, khả năng tự tài trợ vốn 24 %, hệ số thanh toán ngắn hạn 1,23 lần, hệ số thanh toán nhanh 1,11 lần. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu 3,81% giảm so với năm 2018.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

- Trong số nợ phải trả 258,007 tỷ đồng, gồm các khoản sau :
 - ✓ Nợ vay là 127,515 tỷ đồng: vay ngắn hạn 112,747 tỷ đồng, vay dài hạn 14,768 tỷ đồng.
 - Nợ vay của ngân hàng 120,668 tỷ đồng tăng 16,963 tỷ đồng so cùng kỳ.
 - Nợ vay của cá nhân 6,846 tỷ đồng giảm 528 Trđ so cùng kỳ.
 - ✓ Nợ phải trả người bán là 17,9 tỷ,
 - ✓ Phải trả ngắn hạn khác 19,593 tỷ.
- Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, từng khế ước nhận nợ, theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Chuyển đổi mô hình quản lý của một số đơn vị sản xuất trực tiếp với mục tiêu tăng tính chủ động trong công tác tạo nguồn việc cũng như tính chủ động trong quản lý sản xuất.
- Xây dựng cơ chế tiền lương theo hướng sát với thực tế và mặt bằng lương nói chung của khu vực. Hoàn thành và áp dụng quy chế khoán lương cho các phòng nghiệp vụ.

- Củng cố, nâng cao công tác xây dựng kế hoạch sát với thực tế tình hình sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh kịp thời kế hoạch cho từng đơn vị trực thuộc trong điều kiện có biến động bất thường.
- Tiêu chuẩn hoá quy định sơ kết và tổng kết hiệu quả SXKD ở các dự án Công trình. Xây dựng quy chế khen thưởng rõ ràng với các cá nhân và tập thể có thành tích trong công tác thi công ở các dự án.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

4.1 Kế hoạch tài chính chủ yếu:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	50
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	285
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10

4.2 Kế hoạch đầu tư:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2020
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	35,550
	Máy móc thiết bị dụng cụ	Tỷ đồng	10,016
	Cơ sở vật chất	Tỷ đồng	24,994
	Đào tạo nguồn nhân lực	Tỷ đồng	0,540
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	35,550
	Vốn Vay/ khác	Tỷ đồng	35,550

- Khai thác triệt để tiềm năng mặt bằng nhà xưởng sẵn có vào SXKD. Đặc biệt là năng lực của Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý mới và định hướng dòng sản phẩm chủ yếu. Chuẩn hóa các quy trình sản xuất - Gia công- Chế tạo các sản phẩm. Lấy việc phát triển Nhà máy làm tiên phong. Xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, chuyên nghiệp hóa và hiện đại. Đa dạng hóa các sản phẩm cơ khí, trong đó có việc tham gia thị trường SX công nghiệp phụ trợ cơ khí, hài hòa nhiệm vụ gia công các sản phẩm cấu kiện cơ khí phục vụ xây lắp công trình.
- Tăng cường hợp tác với các đơn vị có năng lực và kinh nghiệm. Đặc biệt là các nhà thầu nước ngoài nhằm mở rộng mối quan hệ hợp tác. Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp và sản xuất các sản phẩm cấu kiện cơ khí cho các dự án trong và ngoài nước đặc biệt các dự án LNG, LPG...nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất hàng năm của công ty và tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

- Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Review concerning corporate responsibility towards the local community

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and socialresponsibilities.

- Năm 2019 Công ty đã có sự đổi mới trong việc hoạch định chiến lược phát triển thị trường một cách rõ ràng giữa thị trường nội địa và thị trường thi công tại các nước khu vực Đông Nam Á.
- Đối với thị trường nội địa: các công việc Công ty có được đều thông qua đấu thầu hoặc chào giá với mức giảm giá sâu, vì vậy trong năm 2019 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc đảm bảo giá trị sản lượng xây lắp.
- Do nguồn việc tại thị trường trong nước đã bão hòa và khó cạnh tranh với các công ty tư nhân Ban giám đốc Công ty đã chủ động tìm hướng phát triển tại thị trường nước ngoài như Cambodia, Myanmar. Đây là hai thị trường rất tiềm năng nhưng cũng không ít khó khăn khi tham gia thị trường này.
- Tổng giá trị sản lượng xây lắp cả năm đạt 359 tỷ đồng, trong đó thị trường nước ngoài là 223 tỷ đạt 62% tổng giá trị sản lượng toàn Công ty, giá trị hợp đồng chuyển tiếp của các công trình tại Cambodia và Myanmar từ năm 2018 sang năm 2019 là: 213 tỷ
- Hoạt động xây lắp và đầu tư kinh doanh vẫn phải dùng hoàn toàn nguồn vốn vay từ ngân hàng và một số nguồn vay khác, làm ảnh hưởng rất lớn tới tiến độ và hiệu quả của các công trình.
- Công trình Vân Phong tuy đã hết thời gian bảo hành nhưng VPT vẫn chưa thanh toán với nhiều lý do trong đó có cả lý do chủ quan cũng như khách quan. Số nợ hiện vẫn còn tồn đọng chưa thu hồi có giá trị hơn 16 tỷ đồng.
- Trong năm 2019, UBND thành phố đã quyết định thu hồi Trụ sở văn phòng Công ty tại địa chỉ 232 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, TP Hồ Chí Minh bàn giao cho

UBND quận 4 để xây dựng trường học khiến Công ty khó khăn trong việc ổn định nơi làm việc mới ở xa trung tâm. Việc thay đổi văn phòng cũng đã ảnh hưởng tới tâm tư của cán bộ công nhân viên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Trong năm vừa qua HĐQT cùng với Ban Giám Đốc đã tiến hành 04 buổi họp chung nhằm đánh giá nhận xét, phân tích, dự báo tình hình SXKD của công ty trong năm 2019. Ban Giám đốc luôn thể hiện vai trò tham mưu của mình, đã triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT, đưa ra các giải pháp để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt hơn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans, orientations of the Board of Directors*

- HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc tiếp tục thực hiện các công việc sau :
 - ✓ Tăng cường mở rộng thị phần xây lắp sang các nước Đông Nam Á. Đầu tư chiều sâu về con người, năng lực sản xuất để tạo ra giá trị sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Đáp ứng nhu cầu xây dựng các công trình có yêu cầu tay nghề cao theo tiêu chuẩn quốc tế tại Việt Nam.
 - ✓ Thoái vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, tăng cường vốn lưu động và chuẩn bị sẵn sàng nguồn vốn cho việc đầu tư vào một số dự án kho cảng xăng dầu, xây dựng nhà xưởng tại các khu công nghiệp để cho thuê. Đảm bảo nguồn tài chính lành mạnh, đủ để phục vụ cho việc SXKD và đầu tư vào các dự án.
 - ✓ Tăng cường công tác quản lý khoản phải thu để thu hồi công nợ đạt hiệu quả nhanh nhất. Tiếp tục bảo toàn, khai thác và phát triển nguồn vốn của công ty một cách hiệu quả và an toàn nhất, không để xảy ra nợ xấu, khó đòi. Tập trung thu hồi công nợ, thu hồi các khoản tài chính đã đầu tư vào các đơn vị bên ngoài, thanh lý thu hồi vốn những tài sản không mang lại hiệu quả.
 - ✓ Tuyển dụng các vị trí nhân sự có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như trình độ ngoại ngữ cao để có thể thực hiện được các công trình theo tiêu chuẩn quốc tế. Quản lý công việc theo chỉ số đo lường KPI để đánh giá hiệu quả công việc, năng lực nhân sự một cách phù hợp, khuyến khích phát huy tối đa trách nhiệm của từng cá nhân để đạt hiệu quả, năng suất lao động cao nhất.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of*

Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

STT	Họ và tên	Chức danh	Điều hành/ Độc lập /Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Cung Quang Hà	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	3,81%
2	Nguyễn Sum	Thành viên kiêm Giám đốc	Điều hành	0,37%
3	Nguyễn Huy Nhân	Thành viên	Điều hành	0,13%
4	Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên	Không điều hành	4,29%
5	Lê Huy Thủy	Thành viên	Không điều hành	4,60%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

- Tiểu ban Pháp chế được thành lập theo quyết định 24/XL3-HĐQT-QĐ ngày 31/7/2019 do Ông Nguyễn Huy Nhân Thành viên HĐQT làm trưởng ban .

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

- HĐQT đã tổ chức họp 07 phiên họp với sự tham gia của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát trong đó có 04 buổi họp chung cùng với Ban Giám Đốc và 05 lần lấy ý kiến của các thành viên bằng văn bản. Tại các cuộc họp của HĐQT đã tổ chức triển khai các công việc sau :
 - Phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch 2019 giao cho Ban điều hành.
 - Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (vào ngày 12/04/2019)
 - Chọn Cty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán kiểm toán Nam Việt (AASCN) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2019.
 - Đánh giá, xem xét, phân tích, dự báo tình hình SXKD, theo dõi chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
 - Phê duyệt việc vay vốn tại các Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex với hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng, để đảm bảo vốn lưu động cho hoạt động SXKD của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các

cuộc họp/ *assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

- Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

- Không có

2. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban	0,1%	
2	Nguyễn Thị Phương	Thành viên	4,98%	
3	Đình Minh Thắng	Thành viên	1,85%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban, sơ kết, tổng kết của công ty. Trên cơ sở nội dung cuộc họp, Ban kiểm soát có ý kiến đóng góp thuộc thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Phối hợp cùng tham gia với Công ty trong việc kiểm tra hoạt động thi công công trình ở nước ngoài tại Myanmar và Cambodia .
- Kiểm soát việc thực hiện các quy định về công bố thông tin của Công ty đối với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cũng như đăng thông tin trên Website của công ty. Công tác công bố thông tin đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời đúng hạn theo quy định của pháp luật về chứng khoán đối với công ty niêm yết và yêu cầu của các cơ quan quản lý.
- Tiếp thu, ghi nhận các ý kiến của cổ đông và chuyển đến HĐQT, Ban Điều hành Công ty giải quyết thỏa đáng đồng thời thường xuyên theo dõi các kênh truyền thông để đảm bảo các thông tin về Công ty chính xác nhằm đảm bảo quyền lợi các cổ đông, nhà đầu tư.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

ĐVT: đồng

STT	CHỨC DANH	THÙ LAO HĐQT	TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, THƯỞNG	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ
Hội Đồng Quản Trị				
1	Chủ tịch		493.658.105	493.658.105
2	Thành viên chuyên trách		341.069.594	341.069.594
3	Thành viên	45.936.000	11.304.084	57.240.084
4	Thành viên (BỔ sung từ T4/2019)	32.538.000		32.538.000
5	Thành viên (thay thế từ T4/2019)	13.398.000	11.304.084	24.702.084
Ban Kiểm Soát				
1	Trưởng ban kiểm soát		215.015.940	215.015.940
2	Thành viên chuyên trách	17.280.000	192.531.043	209.811.043
3	Thành viên	32.155.200	8.478.063	40.633.263
Ban điều hành				
1	Giám đốc- TVHĐQT	45.936.000	428.609.824	474.545.824
2	Phó giám đốc		326.995.143	326.995.143
3	Phó giám đốc		751.874.495	751.874.495
4	Kế toán trưởng		244.861.337	244.861.337
Tổng Cộng		187.243.200	3.025.701.712	3.212.944.912

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

- Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internalshareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

- Giao dịch giữa Công ty và Công ty CP khí thiên nhiên hóa lỏng Petnor LNG:
 1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm tra và lắp đặt van xả khẩn cấp số 35A/XL3-HĐ ngày 14/02/2019 giá trị hợp đồng là 66.000.000 đồng.
 2. Hợp đồng mua bán van số 44/XL3-HĐ ngày 19/04/2019 giá trị hợp đồng là 922.350.000 đồng.
 3. Hợp đồng mua bán van số 70/XL3-HĐMB ngày 10/10/2019 giá trị hợp đồng là 1.087.350.000 đồng.
 4. Hợp đồng gia công sản phẩm cơ khí số 1510/PRTNOR-HĐ ngày 15/10/2019 giá trị hợp đồng là 2.129.985.446 đồng.
 5. Hợp đồng thuê máy móc thiết bị thi công số 210/PETNOR-HĐKT ngày 20/10/2019 giá trị hợp đồng là 77.000.000 đồng/ tháng, thời gian thuê 3 tháng.
- Giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Oval Việt Nam:
 1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ hiệu chỉnh cấu hình phần mềm thiết bị 01-2019/HĐKT/OVAL-XLIII ngày 06/9/2019 giá trị hợp đồng là 835.797.600 đồng.
 2. Hợp đồng cung cấp bầu lọc thô số 01-2019/HĐKT/XLIII-OVAL ngày 30/9/2019 giá trị hợp đồng là 240.900.000 đồng.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

- Công ty đã ban hành quy chế quản trị Công ty và tuân thủ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

- Theo ý kiến của Công ty TNHH Dịch Vụ tư vấn tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Xây lắp III Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển

tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được đính kèm trong báo cáo này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



[Handwritten signature]
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Sum